

ASUS ROG Strix GL502VS-GZ118T máy tính xách tay Intel® Core™ i7 i7-7700HQ Laptop 39,6 cm (15.6") Full HD 8 GB DDR4-SDRAM 1,13 TB HDD+SSD NVIDIA® GeForce® GTX 1070 Wi-Fi 5 (802.11ac) Windows 10 Home Màu đen



Nhãn hiệu : ASUS

Họ sản phẩm: ROG

Mã sản phẩm: GL502VS-GZ118T

Tên mẫu : GL502VS-GZ118T

ASUS ROG Strix GL502VS-GZ118T. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i7, Model vi xử lý: i7-7700HQ, Tốc độ bộ xử lý: 2,8 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"), Kiểu HD: Full HD, Độ phân giải màn hình: 1920 x 1080 pixels. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 1,13 TB, Phương tiện lưu trữ: HDD+SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics 630. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home. Màu sắc sản phẩm: Màu đen

Thiết kế

Sản Phẩm *	Laptop
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen
Hệ số hình dạng *	Loại gấp
Định vị thị trường	Chơi game

Màn hình

Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")
Độ phân giải màn hình *	1920 x 1080 pixels
Màn hình cảm ứng *	✗
Kiểu HD	Full HD
Đèn LED phía sau	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9

Bộ xử lý

Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i7
Thế hệ bộ xử lý	7th gen Intel® Core™ i7
Model vi xử lý *	i7-7700HQ
Số lõi bộ xử lý	4
Các luồng của bộ xử lý	8
Tần số turbo tối đa	3,8 GHz
Tốc độ bộ xử lý *	2,8 GHz
Tốc độ bus hệ thống	8 GT/s
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	6 MB
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit
Dòng vi xử lý	Intel Core i7-7700 Mobile Series
Tên mã bộ vi xử lý	Kaby Lake
Loại bus	DMI3
Công suất thoát nhiệt TDP	45 W
TDP-down có thể cấu hình	35 W
Tjunction	100 °C
Số lượng tối đa đường PCI Express	16
Phiên bản PCI Express	3.0

Phần mềm

Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home
----------------------------	-----------------

Tính năng đặc biệt của bộ xử lý

Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✓
Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Công nghệ InTru™ 3D	✓
Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Intel® Smart Cache	✓
Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Intel® Enhanced Halt State	✓
VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Khóa An toàn Intel	✓
Intel® TSX-NI	✗
Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Intel® OS Guard	✓

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Cấu hình PCI Express	1x16, 1x8, 2x4, 2x8	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Bộ nhớ		Kiến trúc Intel® 64	✓
Bộ nhớ trong *	8 GB	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Trạng thái Chờ	✓
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Bộ nhớ trong tối đa *	32 GB	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	42 x 28 mm
Dung lượng		Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Tổng dung lượng lưu trữ *	1,13 TB	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Phương tiện lưu trữ *	HDD+SSD	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Graphics & IMC lithography	14 nm
Dung lượng ổ đĩa cứng	1 TB	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	128 GB	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Loại ổ đĩa quang *	✗	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Thẻ nhớ tương thích	MMC, SD, SDHC, SDXC	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Đồ họa		Phiên bản Công nghệ Intel® Small Business Advantage (SBA)	1,00
Model card đồ họa rời *	NVIDIA® GeForce® GTX 1070	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Bộ nhớ card đồ họa rời	8 GB	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Card đồ họa on-board *	✓	ID ARK vi xử lý	97185
Card đồ họa rời *	✓	Vi xử lý không xung đột	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 630	Pin	
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	350 MHz	Số lượng cell pin	4
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz	Công suất pin *	62 Wh
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	64 GB	Điện	
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	230 W
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.4	Tần số của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	50 - 60 Hz
ID card đồ họa on-board	0x591B	Điện áp đầu vào của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	100 - 240 V
Máy ảnh		Cường độ dòng điện đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	9,23 A
Camera trước	✓	Điện áp đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	19.5 V
hệ thống mạng		Giắc cắm đầu vào DC	✓
Wi-Fi	✓	Bảo mật	
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Khe cắm khóa cáp	✓
Chuẩn Wi-Fi	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Mã pin bảo vệ	✓
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Bảo vệ bằng mặt khẩu	BIOS, HDD, Người dùng
Bluetooth	✓	Chứng nhận	
Phiên bản Bluetooth	4.0	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Cổng giao tiếp		Chứng nhận	UL, TUV, CE Marking Compliance, FCC Compliance, BSMI, Australia C-TICK / NZ A-Tick Compliance, CCC, GOST-R, CB, Energy star, WEEE, RoHS
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	3	Tính bền vững	
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 2 (3.1 Gen 2)Type-C	1	Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1		
Số lượng cổng HDMI *	1		
Số lượng cổng Mini DisplayPorts	1		
Cổng DVI	✗		
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓		
Bộ nối trạm	✗		
Hiệu suất			
Chipset bo mạch chủ	Intel® HM175		
Chỉ số khả năng sửa chữa	5.2		

Bàn phím		Trọng lượng & Kích thước	
Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng	Chiều rộng	390 mm
Bàn phím số *	✓	Độ dày	266 mm
Bàn phím full size	✓	Chiều cao	30,1 mm
Các phím Windows	✓	Trọng lượng *	2,3 kg

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.